

**BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 2450/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch sơ kết thực hiện Quy chế phối hợp giữa Bộ Tư pháp và Liên đoàn luật sư Việt Nam về hoạt động trợ giúp pháp lý của luật sư**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

*Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý ngày 20 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Quy chế phối hợp số 4617/QCPH/BTP-LĐLSVN ngày 28 tháng 12 năm 2016 giữa Bộ Tư pháp và Liên đoàn Luật sư Việt Nam về hoạt động trợ giúp pháp lý của luật sư;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch sơ kết thực hiện Quy chế phối hợp giữa Bộ Tư pháp và Liên đoàn luật sư Việt Nam về hoạt động trợ giúp pháp lý của luật sư.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, Cục TGPL.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Mai Lương Khôi**





**KẾ HOẠCH**

**Sơ kết thực hiện Quy chế phối hợp giữa Bộ Tư pháp  
và Liên đoàn luật sư Việt Nam về hoạt động trợ giúp pháp lý của luật sư**

*(Kèm theo Quyết định số 2450/QĐ-BTP ngày 16 tháng 12 năm 2022*

*của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

Việc tổ chức sơ kết thực hiện Quy chế phối hợp giữa Bộ Tư pháp và Liên đoàn luật sư Việt Nam về hoạt động trợ giúp pháp lý của luật sư (sau đây gọi tắt là Quy chế phối hợp) nhằm đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân... trong việc triển khai thực hiện Quy chế phối hợp, từ đó đưa ra các kiến nghị, giải pháp cụ thể để khắc phục hạn chế, bất cập nhằm nâng cao chất lượng công tác phối hợp trong thời gian tới.

**2. Yêu cầu**

Việc tổ chức sơ kết Quy chế phối hợp phải thiết thực, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với quy định của pháp luật. Nội dung sơ kết phải bám sát các quy định của Quy chế phối hợp, thiết thực, phản ánh đúng thực tế khách quan, có phân tích, đánh giá toàn diện kết quả đạt được và hạn chế, tồn tại. Trên cơ sở đó, có những đề xuất, kiến nghị cụ thể nhằm thực hiện tốt hơn nữa Quy chế phối hợp.

**II. NỘI DUNG SƠ KẾT**

**1. Nội dung**

- Đánh giá kết quả triển khai và những kết quả đã đạt được: trong việc xây dựng Quy chế phối hợp công tác trợ giúp pháp lý tại địa phương, phối hợp trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, các văn bản liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý của luật sư; giới thiệu và thực hiện trợ giúp pháp lý, giới thiệu và lựa chọn luật sư tham gia đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý; phối hợp trong công tác thông tin, truyền thông về hoạt động trợ giúp pháp lý, công tác nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ trợ giúp pháp lý, khen thưởng, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động trợ giúp pháp lý của luật sư.

- Làm rõ những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, bất cập trong việc thực hiện Quy chế phối hợp, từ đó xác định nguyên nhân, bài học kinh nghiệm;

- Đề xuất các giải pháp để tháo gỡ những vướng mắc, bất cập và kiến nghị Bộ Tư pháp và Liên đoàn Luật sư Việt Nam sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp trong thời gian tới để nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác phối hợp.

## **2. Xây dựng báo cáo sơ kết**

- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện Quy chế phối hợp từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 31/12/2022 bằng văn bản gửi về Bộ Tư pháp. Thời hạn gửi báo cáo về Bộ Tư pháp: trước ngày 31/01/2023.

- Bộ Tư pháp phối hợp với Liên đoàn Luật sư Việt Nam tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Quy chế phối hợp. Dự kiến: trước ngày 28/02/2023.

## **3. Tổ chức hội nghị sơ kết**

### **3.1. Thời gian**

Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị 1/2 ngày, dự kiến tổ chức vào tuần cuối tháng 3/2023 (từ 25/3-30/3/2023).

### **3.2. Hình thức tổ chức hội nghị sơ kết**

Hội nghị tổ chức theo hình thức tập trung trực tiếp.

### **3.3. Địa điểm, thành phần tham dự Hội nghị sơ kết của Bộ Tư pháp và Liên đoàn Luật sư Việt Nam**

a) Địa điểm: tổ chức tại thành phố Hà Nội.

b) Thành phần tham dự Hội nghị

- Chủ trì hội nghị: Lãnh đạo Bộ Tư pháp và Lãnh đạo Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

- Đại biểu tham dự:

+ Giám đốc các Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chủ nhiệm Đoàn luật sư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Đại diện Cục Trợ giúp pháp lý và một số đơn vị thuộc Bộ Tư pháp.

+ Đại diện một số đơn vị thuộc Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

+ Các cơ quan báo chí đưa tin.

Tổng số: khoảng 80 đại biểu.

## **4. Đề nghị khen thưởng**

Đề nghị khen thưởng một số cá nhân, tổ chức có nhiều thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong quá trình thực hiện Quy chế phối hợp. Tiêu chí khen thưởng cụ thể, Cục Trợ giúp pháp lý phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị có liên quan xây dựng, đề xuất khen thưởng.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Trách nhiệm thực hiện**

a) Cục Trợ giúp pháp lý:

- Tổng hợp báo cáo của các địa phương.

- Phối hợp với Ủy ban Xây dựng pháp luật và trợ giúp pháp lý, Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các đơn vị có liên quan chuẩn bị cáo cáo và tổ chức hội nghị sơ kết.

b) Các đơn vị thuộc Bộ

Căn cứ vào các yêu cầu về nội dung, thời gian của Kế hoạch này, Văn phòng Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị thuộc Bộ có liên quan phối hợp với Cục Trợ giúp pháp lý chuẩn bị tổ chức sơ kết Quy chế phối hợp theo sự phân công, đảm bảo thời gian, tiến độ và hiệu quả.

c) Sở Tư pháp xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Quy chế phối hợp gửi về Bộ Tư pháp trước ngày 31/01/2023.

**2. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí sơ kết Quy chế phối hợp được lấy từ nguồn kinh phí ngân sách theo quy định và các nguồn kinh phí khác (nếu có)./. *AVC*



Số: ...../BC-TGPL

....., ngày ... tháng .... năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện Quy chế phối hợp giữa Bộ Tư pháp và Liên đoàn Luật sư Việt Nam về trợ giúp pháp lý của luật sư (Từ 01/01/2017-31/12/2022)**

#### **I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC (Bám sát chương II Quy chế 4617/QCPH/BTP-LĐLSVN)**

1. Kết quả việc xây dựng Quy chế phối hợp trong công tác trợ giúp pháp lý tại địa phương (khoản 3 Điều 12 Quy chế): nêu rõ tên văn bản (nếu có)? Nếu chưa ban hành nêu rõ lý do.
2. Kết quả phối hợp trong việc xây dựng văn bản, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý.
3. Kết quả phối hợp trong việc giới thiệu và thực hiện trợ giúp pháp lý. Nêu rõ: số liệu vụ việc giới thiệu, vụ việc tổng hợp từng năm và tổng 5 năm (có biểu mẫu gửi kèm theo). So sánh, phân tích số liệu năm sau so với năm trước.
4. Phối hợp trong việc giới thiệu và lựa chọn luật sư tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý, đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý (số liệu cụ thể, đánh giá).
5. Phối hợp trong công tác thông tin, truyền thông về hoạt động trợ giúp pháp lý.
6. Phối hợp trong công tác nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ trợ giúp pháp lý.
7. Phối hợp trong việc khen thưởng, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động trợ giúp pháp lý của luật sư.

#### **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Đánh giá chung về việc thực hiện các nội dung phối hợp trong Quy chế. Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc.
2. Một số tồn tại, hạn chế. Nêu rõ nguyên nhân của tồn tại, hạn chế.
3. Những bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế phối hợp.
4. Đề xuất, kiến nghị:
  - 4.1. Kiến nghị Bộ Tư pháp.
  - 4.2. Kiến nghị Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

#### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI**





**Bảng số liệu sơ kết Quy chế phối hợp giữa Bộ Tư pháp và  
Liên đoàn Luật sư Việt Nam về trợ giúp pháp lý của luật sư**

S T T	Nội dung	2017	2018	2019	2020	2021	2022	Tổng số
1	Số luật sư ký kết hợp đồng với Trung tâm TGPL/Tổng số luật sư ở địa phương							
2	Số vụ việc TGPL do luật sư ký hợp đồng với Trung tâm TGPL thực hiện /tổng số vụ việc TGPL							
a	<i>Tư vấn pháp luật</i>							
b	<i>Tham gia tố tụng:</i>							
	- <i>Lĩnh vực hình sự</i>							
	- <i>Lĩnh vực dân sự</i>							
	- <i>Lĩnh vực khác</i>							
c	<i>Đại diện ngoài tố tụng</i>							
3	Số vụ việc TGPL do luật sư của tổ chức hành nghề luật sư ký hợp đồng với STP thực hiện							
a	<i>Tư vấn pháp luật</i>							
b	<i>Tham gia tố tụng:</i>							
	- <i>Lĩnh vực hình sự</i>							
	- <i>Lĩnh vực dân sự</i>							
	- <i>Lĩnh vực khác</i>							
c	<i>Đại diện ngoài tố tụng</i>							
4	Số vụ việc TGPL do luật sư của tổ chức hành nghề luật sư đăng ký tham gia TGPL thực hiện							
a	<i>Tư vấn pháp luật</i>							
b	<i>Tham gia tố tụng:</i>							
	- <i>Lĩnh vực hình sự</i>							
	- <i>Lĩnh vực dân sự</i>							
	- <i>Lĩnh vực khác</i>							

c	<i>Đại diện ngoài tổ tụng</i>							
5	Số vụ việc (không phải vụ việc TGPL) do Trung tâm TGPL chuyên cho luật sư							
6	Số luật sư tham gia đánh giá chất lượng vụ việc TGPL							
7	Số luật sư tham gia hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, nghiên cứu khoa học có liên quan đến TGPL tại địa phương							
8	Số luật sư tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ TGPL tổ chức tại địa phương							
9	Số luật sư được khen thưởng khi tham gia TGPL							
10	Số luật sư bị khiếu nại, tố cáo về việc thực hiện TGPL							
11	Số luật sư vi phạm quy tắc nghề nghiệp TGPL							